

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: **143**/TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày **10** tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện ý kiến nhất trí của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2020 tại Văn bản số 157/HĐND-VP ngày 08 tháng 9 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;
- Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn 2016-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 08/12/2015 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết, việc xây dựng kế hoạch và phân bổ

vốn đầu tư công đã được thực hiện theo đúng tiêu chí, định mức đề ra, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, cơ bản bảo đảm tương quan hợp lý giữa phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội, giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương, tạo sự chủ động cho các địa phương trong việc cân đối, lồng ghép các nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nguyên tắc, định mức phân bổ trên chỉ có hiệu lực thi hành đến hết năm 2020, trong giai đoạn mới cần ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ mới phù hợp.

Ngày 08/7/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Ngày 14/9/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tại khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg quy định: “*Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định tại Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025*”.

Như vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là căn cứ cho việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm của tỉnh, bảo đảm việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công; nâng cao tính công khai, minh bạch, tăng cường hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư công, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tạo động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 dựa trên những quan điểm cơ bản sau:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt.

c) Nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, hạn chế việc đầu tư dàn trải, thất thoát và đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần tích cực vào công tác cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

d) Kế thừa các ưu điểm, kết quả đạt được, khắc phục những nội dung không còn phù hợp trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 08/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 23/NQ-HĐND ngày 06/11/2018 về ban hành hệ thống quy trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. Cụ thể:

1. Ngày 31/8/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 107/TTr-UBND xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và được Thường trực HĐND tỉnh nhất trí tại Văn bản số 157/HĐND-VP ngày 08/9/2020.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi xin ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý. Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và đã gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Thông qua phiên họp thành viên UBND tỉnh ngày 29/10/2020.

3. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh sửa, hoàn thiện, trình UBND tỉnh. Dự thảo nghị quyết đã được các thành viên UBND tỉnh nhất trí trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 02 điều, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Phần Quy định ban hành kèm theo nghị quyết gồm có 02 Chương và 06 Điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung
 - + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
 - + Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Chương II: Quy định cụ thể
 - + Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025
 - + Điều 4. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025
 - + Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương
 - + Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được quy định cụ thể như sau:

2.1. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: Gồm các ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2.2. Nguyên tắc chung, tiêu chí, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 áp dụng theo các quy định chung về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết.

2.3. Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

- Dành tối đa không quá 30% để phân bổ cho các huyện, thành phố điều hành, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Dành tối thiểu 70% vốn cân đối ngân sách để tỉnh điều hành, được phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo ngành, lĩnh vực.

2.4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm tiêu chí:

(1) Nhóm tiêu chí dân số: Gồm Tiêu chí dân số trung bình. Không áp dụng tiêu chí số người dân tộc thiểu số do trên địa bàn tỉnh chủ yếu là người dân tộc thiểu số.

(2) Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển: Bao gồm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, tiêu chí số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách huyện, thành phố. Không áp dụng tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, do thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thấp, chỉ đảm bảo được gần 10% tổng chi ngân sách địa phương, không đủ điều tiết về ngân sách Trung ương. Giai đoạn 2016-2020 cũng không áp dụng tiêu chí này.

(3) Nhóm tiêu chí diện tích: Bao gồm tiêu chí diện tích đất tự nhiên, và tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố.

(4) Nhóm tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã: Bao gồm tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, và tiêu chí số xã khu vực II và III của từng huyện, thành phố.

(5) Nhóm tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử);

+ Tiêu chí phát triển đô thị;

+ Tiêu chí bổ sung cho các huyện được phân bổ vốn thấp (do không thuộc đối tượng huyện 30a, hoặc định mức phân bổ vốn các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các nguồn vốn khác thấp).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

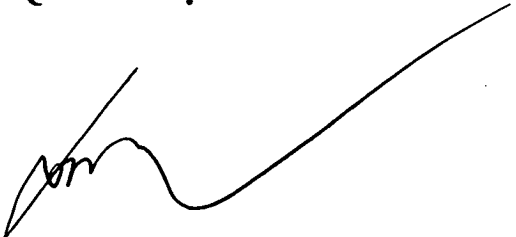
(Hồ sơ gửi kèm Tờ trình:

1. Dự thảo Nghị quyết và Bản thuyết minh dự thảo Nghị quyết của HĐND;
2. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;
3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý)/.

Nơi nhận:

- Như trên (trình);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- LĐVP (đ/c Nguyễn);
- Lưu: VT, Khởi, V.Hà./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 12 năm 2020

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Báo cáo Thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này; Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày .../12/2020./.

Nơi nhận:

.....

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn**

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện).
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021- 2025.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương theo phân cấp.
2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương theo phân cấp.
3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non trở lên.
4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển

khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế, dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

b) Công nghiệp: Cấp điện nông thôn, miền núi.

c) Giao thông: Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: Chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: Cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

k) Bưu chính: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

l) Công nghệ thông tin: Hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;

m) Quy hoạch: Các nhiệm vụ quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới.

o) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước;

12. Xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác;

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư hạ tầng (hạ tầng kỹ thuật, tạo mặt bằng,...) để thu hút đầu tư; các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh, các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 4. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho chính quyền các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp

khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

10. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, Điều 4 của Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thành phố; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công.

b) Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

- Dành tối đa không quá 30% để phân bổ cho các huyện, thành phố điều hành, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Dành tối thiểu 70% vốn cân đối ngân sách địa phương để tỉnh điều hành, được phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo ngành, lĩnh vực.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh;

b) Các huyện, thành phố chịu trách nhiệm bố trí vốn cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công;

2. Các tiêu chí phân bổ vốn:

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm tiêu chí sau đây:

- Tiêu chí dân số trung bình;

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách huyện, thành phố;

- Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã: Số đơn vị hành chính cấp xã; số xã khu vực II và III của từng huyện, thành phố;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử);

+ Tiêu chí phát triển đô thị.

+ Tiêu chí bổ sung cho các huyện được phân bổ vốn thấp (do không thuộc đối tượng huyện 30a, hoặc định mức phân bổ vốn các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các nguồn vốn khác thấp).

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số trung bình. Cách tính cụ thể như sau:

Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Các huyện, thành phố có dân số trung bình đến 20.000 người	10
Các huyện, thành phố có dân số trung bình trên 20.000 người đến 40.000 người, từ 0 đến 20.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 5.000 người tăng thêm được tính 02 điểm	02
Các huyện, thành phố có dân số trung bình trên 40.000 người, từ 0 đến 40.000 người được tính 18 điểm, phần còn lại cứ 5.000 người tăng thêm được tính 01 điểm	01

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 03 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách huyện, thành phố. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được tính 0,1 điểm	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019.

(2) Điểm của tiêu chí số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

Số thu ngân sách trên địa bàn	Điểm
Các huyện, thành phố có số thu từ 0 đến 10 tỷ đồng tính 04 điểm	04

Các huyện, thành phố có số thu trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng tính 03 điểm	03
Các huyện, thành phố có số thu trên 20 tỷ đồng đến 40 tỷ đồng tính 02 điểm	02
Các huyện, thành phố có số thu trên 40 tỷ đồng tính 01 điểm	01

Số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2020.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố:

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Điểm
Các huyện, thành phố có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên từ 0% đến 50% được tính 10 điểm	10
Các huyện, thành phố có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên từ 50% trở lên, từ 0% đến 50% được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 10% tăng thêm được tính 01 điểm	01

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách địa phương năm 2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố. Cách tính cụ thể như:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các huyện, thành phố có diện tích đất tự nhiên đến 200 km ² tính 08 điểm	08
Các huyện, thành phố có diện tích đất tự nhiên trên 200 km ² đến 500 km ² , từ 0 đến 200km ² được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ 100 km ² tăng thêm được tính 02 điểm	02
Các huyện, thành phố có diện tích đất tự nhiên trên 500 km ² , từ 0 đến 500km ² được tính là 14 điểm, phần còn lại cứ 100 km ² tăng thêm được tính 01 điểm	01

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các huyện, thành phố có tỷ lệ che phủ rừng đến 60% được tính 0,5 điểm	0,5
Các huyện, thành phố có tỷ lệ che phủ rừng trên 60% đến 80% được tính 01 điểm	01
Các huyện, thành phố có tỷ lệ che phủ rừng trên 80% trở lên được tính 02 điểm	02

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 02 tiêu chí: đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm số xã, phường, thị trấn); số xã thuộc vùng dân tộc miền núi khu vực II, III.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã được tính 0,5 điểm	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

(2) Điểm của tiêu chí số xã thuộc vùng dân tộc miền núi khu vực II, III.

Đơn vị hành chính cấp xã khu vực II, III	Điểm
Mỗi xã được tính 0,2 điểm	0,2

Số đơn vị hành chính cấp xã khu vực II, III để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

e) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
- 01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử) tính 0,1 điểm	0,1
- Tiêu chí phát triển đô thị	
+ Thành phố Bắc Kạn	50
+ Huyện Chợ Đồn	20
+ Huyện Pác Nặm	05
+ Huyện Ngân Sơn	05
- Tiêu chí bổ sung cho huyện được phân bổ vốn thấp.	
+ Huyện Bạch Thông	10
+ Huyện Chợ Mới	10

Số xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số xã được công nhận tại Quyết định 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

4. Điều chỉnh:

Sau khi phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức trên, đối với các địa phương có số vốn đầu tư trong cân đối thấp hơn kế hoạch giai đoạn trước sẽ được điều chỉnh bằng số vốn đầu tư trong cân đối kế hoạch giai đoạn trước được cấp có thẩm quyền giao.

CHỦ TỊCH

Số:432 /STP-BCTĐ

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025

Sở Tư pháp nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết.

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, đề nghị quy định thống nhất về tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng trong quy định đối với nhóm tiêu chí diện tích tại gạch đầu dòng thứ ba khoản 2 với quy định về cách tính điểm cụ thể của tiêu chí này tại điểm c khoản 3.

2. Để UBND tỉnh có cơ sở xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung nội dung giải trình làm rõ cơ sở cho việc quy định nội dung điều chỉnh bất hợp lý tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết.

3. Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết, đề nghị thay cụm từ “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” bằng “Hội đồng nhân dân tỉnh” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg và quy định về thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

III. VỀ THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN

1. Tại phần căn cứ ban hành văn bản, đề nghị đơn vị soạn thảo trình bày theo mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tại Điều 9 dự thảo Nghị quyết, đề nghị quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản đảm bảo phù hợp với Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và mẫu số 16 - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Đăng Khoa

Số: 338/SKHĐT-TH

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 11 năm 2020

V/v báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến
thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự
thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc,
tiêu chí, định mức phân bổ vốn.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 432/STP-BCTĐ ngày 03/11/2020. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Đối với nội dung tại mục 1 phần II: Tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, đề nghị quy định thống nhất về tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng trong quy định đối với nhóm tiêu chí diện tích tại gạch đầu dòng thứ ba khoản 2 với quy định về cách tính điểm cụ thể của tiêu chí này tại điểm c khoản 3.

Tiếp thu ý kiến thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng vào gạch đầu dòng thứ ba khoản 2, khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị quyết. Nội dung sau chỉnh sửa là: “- Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố”.

2. Đối với nội dung tại mục 2 phần II: Để UBND tỉnh có cơ sở xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung nội dung giải trình làm rõ cơ sở cho việc quy định nội dung điều chỉnh bất hợp lý tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết.

Tiếp thu ý kiến thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã bổ sung cơ sở cho việc quy định nội dung điều chỉnh bất hợp lý tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết tại thuyết minh dự thảo Nghị quyết. Cụ thể như sau:

Khoản 2 Điều 55 Luật Đầu tư công quy định: “Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau”.

Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg quy định: “Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025 được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6%...”.

Định hướng nêu trên được áp dụng để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Các huyện, thành phố đang triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo định hướng này (*mức vốn đầu tư công giai đoạn sau dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công giai đoạn trước*). Do vậy, để đảm bảo số kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các huyện, thành phố sát với số kế hoạch tỉnh phân bổ (không vượt quá nhiều hoặc thấp hơn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020) thì cần thiết phải điều chỉnh số kế hoạch vốn của các địa phương có chênh lệch sau khi phân bổ theo các tiêu chí, định mức phân bổ chính.

3. Đối với nội dung tại mục 3 phần II: Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết, đề nghị thay cụm từ “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” bằng “Hội đồng nhân dân tỉnh” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg và quy định về thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)

Tiếp thu ý kiến thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh sửa, thay cụm từ “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” bằng “Hội đồng nhân dân tỉnh” tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết.

4. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản nêu tại mục III của Báo cáo thẩm định

Tiếp thu ý kiến thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh sửa phân căn cứ văn bản và phần quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản, thể thức trình bày văn bản phù hợp với mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP..

Với nội dung trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

Bản giấy + bản điện tử

- Như kính gửi;

Bản điện tử

- Sở Tư pháp;

- Lưu: VT, TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Công Hòa

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên đơn vị	Số văn bản tham gia đóng góp ý kiến	Ý kiến góp ý
	UBND các huyện, thành phố		
1	UBND huyện Ba Bể	3162/UBND-VP ngày 22/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
2	UBND thành phố Bắc Kạn	1958/UBND-TCKH ngày 22/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
3	UBND huyện Chợ Mới	2099/UBND-VP ngày 22/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
4	UBND huyện Chợ Đồn	1827/UBND-TCKH ngày 23/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
5	UBND huyện Ngân Sơn	1985/UBND-TCKH ngày 26/10/2020	<p>Cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Tuy nhiên đối với mục Các tiêu chí bổ sung tại điểm e, khoản 3, Điều 6 dự thảo Nghị quyết nói trên có ghi “Địa phương: Huyện Ngân Sơn; Điểm: 05”, UBND huyện đề nghị xem xét tăng từ điểm 5 lên điểm 10, giữ nguyên theo số điểm như giai đoạn 2016-2020 (tại Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015). Cơ sở đề xuất tăng điểm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngân Sơn là huyện còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm khá lớn 34,17%, hộ cận nghèo chiếm 14,03%. Tốc độ phát triển kinh tế còn chậm, phát triển kinh tế chủ yếu là thuần nông, đời sống của đồng bào vùng cao, vùng sâu vẫn còn nhiều khó khăn; trình độ dân trí còn thấp, không đồng đều. Thu ngân sách trên địa bàn thấp, chi ngân sách phụ thuộc vào ngân sách trung ương cấp.- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của địa phương như các trụ sở làm việc, trường lớp học, trạm y tế, trung tâm văn hóa, đường giao thông... chưa được đồng bộ, chưa được đầu tư trọng điểm, thiếu ổn định

6	UBND huyện Na Ri		
7	UBND huyện Bạch Thông		
8	UBND huyện Pác Nặm		
	Các Sở, ban, ngành		
1	Sở Tài Chính	1574/STC-ĐT ngày 09/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
2	Sở Khoa học và Công nghệ	701/SKH-CN-VP ngày 12/10/2020	Nhất trí. Đề nghị đánh số trang tại Tờ trình
3	Thanh tra tỉnh	757/TTrT-VP ngày 12/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
4	Sở Nội vụ	1631/SNV-VP ngày 12/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
5	Sở Y tế	3162/SYT-KHTC ngày 21/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
6	Ban Quản lý Khu công nghiệp	404/BQL-CMBV ngày 23/10/2020	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung
7	Sở Giao thông vận tải	1400/SGTVT-VP ngày 26/10/2010	Nhất trí, không có ý kiến góp ý bổ sung

8	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	627/MTTQ-BTT ngày 27/10/2020	<p>1. Cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo văn bản. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình đề nghị cần trình bày ngắn gọn về cách tính điểm từng tiêu chí, tiêu chí nào theo hướng dẫn Trung ương thì áp dụng để thực hiện theo đúng hướng dẫn; tiêu chí nào Trung ương không quy định hoặc tiêu chí đưa ra không phù hợp với địa phương (về quy mô dân số) thì nên đưa ra xin ý kiến để có cơ sở tham gia góp ý.</p> <p>2. Tại Khoản 2, Điều 6 “Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố” (trang 5- 10 dự thảo Nghị quyết) có quy định khá nhiều tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố; bên cạnh đó, đối với từng tiêu chí lại quy định chi tiết các tiêu chí nhỏ nên gây ra sự dài dòng. Để Nghị quyết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện, đề nghị chi liệt kê những tiêu chí chính, còn cách xác định số điểm của từng tiêu chí có thể đưa vào dự thảo Tờ trình.</p> <p>Về cách tính mức vốn được phân bổ: các đơn vị, địa phương cụ thể điểm tổng là bao nhiêu điểm để căn cứ vào đó phân bổ nguồn vốn đảm bảo công bằng, đúng quy định, xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả.</p>
---	------------------------------	---------------------------------	--

9	Sở Công thương	1242/STC-CN ngày 28/10/2020	<p>ơ bản nhất trí với nội dung, bố cục Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Đồng thời có một số ý kiến góp ý như sau:</p> <p>Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 5058/UBND-GTCNXD ngày 27 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó, giao Sở Công Thương lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đó đổi tên Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông và san lấp mặt bằng để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp khu vực Vằng Mười). Tuy nhiên, sau khi lập Báo cáo đề xuất chủ trương trình Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án nhóm B và giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm C do địa phương quản lý thì đối với Dự án trên chưa có quy định cụ thể về tiêu chí, định mức phân bổ vốn và phân loại dự án đầu tư công từ nguồn ngân sách trung ương.</p> <p>Trong khi, theo Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, tỉnh Bắc Kạn phát triển 21 cụm công nghiệp nhưng đến năm 2020, tỉnh mới thu hút được doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ nguồn vốn khác (Cụm công nghiệp Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông và Cụm công nghiệp Quảng Chu, huyện Chợ Mới) với các địa điểm thuận lợi về điều kiện địa hình, giải phóng mặt bằng và kết nối hạ tầng giao thông,... Còn lại, hầu hết các cụm công nghiệp khác nằm trên địa bàn các huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với đa số là đồng bào dân tộc thiểu số, đến nay không thu hút được nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp đến đầu tư nên công nghiệp tại các địa phương chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương (các sản phẩm công nghiệp, tiêu thụ công</p>
10			